TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Toàn

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tố N**, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện L, thành phố C.

2. Bị đơn: Anh **Cao Tấn T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp U, xã O, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Tấn T quen biết, tìm hiểu, bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, thành phố C vào ngày 05 tháng 9 năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến việc anh chị thường xuyên cự cãi; tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng

anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị có đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Cao Tấn G, sinh ngày 22/8/2016. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn là anh Cao Tấn T đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự do không tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố Nga.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố N được ly hôn với anh Cao Tấn T.

- Về con chung: giao con chung là Cao Tấn T, sinh ngày 22/8/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị Nga không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Tố N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung với anh Cao Tấn T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị N xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Anh Cao Tấn T là bị đơn có nơi

cư trú tại ấp Thới Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trung đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nga và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Cao Tấn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, thành phố C vào ngày 05 tháng 9 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Trong quá trình chung sống, theo chị N trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị đã nhiều lần trao đổi nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị N có yêu cầu được giải quyết cho được ly hôn với anh T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời chị N và anh T đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng chị N xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết xin ly hôn; anh T đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh T đã có phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án nhiều lần mời chị N và anh T đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng chị N xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết xin ly hôn; anh T đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N. Mặt khác, chị N và anh T đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

- Chị N và anh T chung sống với nhau có 01 người con là Cao Tấn G, sinh ngày 22/8/2016, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Theo ý kiến của cháu G có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy để

cho con chung của anh chị được ổn định về tâm lý, việc học tập, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao con chung của anh chị cho chị N được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì chị N có quyền yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố Nga được ly hôn với anh Cao Tấn Trung.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Cao Tấn T có 01 con chung tên Cao Tấn G, sinh ngày 22/8/2016. Sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu G cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu G.

Anh Cao Tấn T được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do chị Nguyễn Thị Tố N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010422 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã C;
- UBND xã T, huyện L, thành phố C;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Minh Thơ